

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung, mức chi đối với tập thể, cá nhân đoạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, liên hoan quốc tế, quốc gia thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông; các giải thể thao quốc gia, cấp tỉnh và Đại hội thể dục thể thao tổ chức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 175/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung, mức chi đối với tập thể, cá nhân đoạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, liên hoan quốc tế, quốc gia thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông; các giải thể thao quốc gia, cấp tỉnh và Đại hội thể dục thể thao tổ chức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 226/BC-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết ban hành Quy định nội dung, mức chi đối với tập thể, cá nhân đoạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, liên hoan quốc tế, quốc gia thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo; văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông; các giải thể thao quốc gia, cấp tỉnh và Đại hội thể dục thể thao tổ chức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi đối với tập thể, cá nhân đoạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, liên hoan quốc tế, quốc gia thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông; các giải thể thao quốc gia, cấp tỉnh và Đại hội thể dục thể thao tổ chức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 7 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức thưởng đối với vận động viên tại các giải thể thao, Đại hội thể dục thể thao của tỉnh Thái Nguyên;

b) Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định nội dung, mức chi đối với tập thể, cá nhân đoạt giải trong kỳ thi, cuộc thi Quốc tế, Quốc gia thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao; văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các tập thể, cá nhân được công nhận đoạt giải trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện việc trao giải, khen thưởng thì áp dụng chế độ khen thưởng theo quy định tại thời điểm có kết quả.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Nội vụ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Báo cáo);
- Ban Thi đua - khen thưởng Trung ương (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi đối với tập thể, cá nhân đoạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, liên hoan quốc tế, quốc gia thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo; văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông; các giải thể thao quốc gia, cấp tỉnh và Đại hội thể dục thể thao tổ chức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 55/2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung, mức chi đối với tập thể, cá nhân đoạt giải và có thành tích cao:

a) Trong các kỳ thi, cuộc thi, liên hoan quốc tế, quốc gia thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo; văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông;

b) Trong các giải thể thao quốc gia, cấp tỉnh và Đại hội thể dục thể thao tổ chức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tập thể, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ cử tham gia và đoạt giải tại kỳ thi, cuộc thi, liên hoan Quốc tế; kỳ thi, cuộc thi chính thức Quốc gia trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông; các tập thể, cá nhân lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia; các giải thể thao, Đại hội thể dục thể thao tổ chức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (trừ trường hợp không bắt buộc phải cử tham gia quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này);

b) Giáo viên, giảng viên được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ phân công đào tạo, bồi dưỡng và có tập thể, cá nhân đoạt giải tại các kỳ thi, cuộc thi, liên hoan Quốc tế, Quốc gia trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông; giáo viên, giảng viên được cơ quan có chức năng, nhiệm vụ cử tham gia các hội thi, hội giảng, cuộc thi Quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; huấn luyện viên được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ phân công đào tạo, bồi dưỡng và có tập thể, cá nhân lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Kỳ thi, cuộc thi, liên hoan Quốc tế bao gồm: Kỳ thi, cuộc thi, liên hoan thế giới, châu lục và khu vực.

2. Kỳ thi, cuộc thi, liên hoan thế giới là kỳ thi, cuộc thi, liên hoan được tổ chức trên phạm vi toàn thế giới.

3. Kỳ thi, cuộc thi, liên hoan châu lục là kỳ thi, cuộc thi, liên hoan được tổ chức trên phạm vi châu lục hoặc liên châu lục. Kỳ thi, cuộc thi, liên hoan khu vực là kỳ thi, cuộc thi, liên hoan được tổ chức trên phạm vi khu vực của châu lục.

4. Kỳ thi, cuộc thi, liên hoan Quốc gia là kỳ thi, cuộc thi, liên hoan chính thức Quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt tổ chức thường xuyên, định kỳ trên phạm vi toàn quốc hoặc được tổ chức theo khu vực do Bộ, ngành Trung ương tổ chức.

5. Giải thưởng bao gồm: Giải Đặc biệt, giải Nhất, giải Nhì, giải Ba; hoặc giải A, giải B, giải C hoặc huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng, giải Khuyến khích hoặc giải tương đương.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thưởng đối với tập thể, cá nhân đoạt giải trong kỳ thi, cuộc thi, liên hoan phải đảm bảo chính xác, công khai, công bằng, minh bạch và kịp thời giữa các ngành, địa phương, các lĩnh vực, nhằm tôn vinh các tập thể, cá nhân.

2. Căn cứ để xét thưởng là Giấy chứng nhận hoặc Giấy xác nhận hoặc Thông báo kết quả của Ban Tổ chức kỳ thi, cuộc thi, liên hoan, hội thi, Ngày hội thể thao; điều lệ giải; quyết định thành lập đoàn tham dự kỳ thi, cuộc thi, liên hoan, hội thi, Ngày hội thể thao; lịch tổ chức kỳ thi, cuộc thi, liên hoan, hội thi của Bộ, ngành Trung ương hoặc cơ quan được Bộ, ngành Trung ương ủy quyền.

3. Tập thể, cá nhân thuộc tỉnh Thái Nguyên khi tham gia các giải thi đấu tại nước ngoài đoạt giải tại các kỳ thi, cuộc thi, liên hoan chính thức thế giới, châu lục và khu vực được thưởng theo quy định này phải do Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đồng ý cho phép tham gia; Bộ, ngành Trung ương hoặc cơ quan được Bộ, ngành Trung ương ủy quyền cử tham gia kỳ thi, cuộc thi, liên hoan.

Trường hợp cá nhân là văn nghệ sĩ của tỉnh Thái Nguyên đoạt giải tại các kỳ thi, cuộc thi, liên hoan Quốc tế, Quốc gia, minh chứng giải thưởng do Quốc tế, Bộ, ngành Trung ương tổ chức chính thức, theo điều lệ cho phép cá nhân tự đăng ký tham dự thì không bắt buộc phải có quyết định cử tham gia; việc xét thưởng được căn cứ vào kết quả đoạt giải hợp lệ và xác nhận của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền của tỉnh.

4. Tiền thưởng được tính theo mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định khen thưởng nhân với hệ số quy định tại Quy định này.

5. Trong cùng một thời điểm, tại một kỳ thi, cuộc thi, liên hoan, tập thể, cá nhân đoạt được từ 02 giải thưởng trở lên ở nội dung thi khác nhau thì được nhận tiền thưởng của tất cả các giải thưởng đã đoạt được.

6. Mức thưởng đối với giải Đặc biệt bằng 1,5 lần mức thưởng giải Nhất hoặc huy chương Vàng, giải A, giải tương đương.

7. Mức thưởng đối với giải Khuyến khích hoặc giải tương đương bằng 70% mức thưởng giải Ba hoặc huy chương Đồng, giải C, giải tương đương.

8. Mức thưởng đối với giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên

a) Mức thưởng cho giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên hoặc tập thể giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn được tính bằng 50% mức thưởng của tập thể, cá nhân đoạt giải;

b) Mức thưởng đối với các môn, nội dung thi đấu có thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 7 của Quy định này;

c) Mức thưởng cho giáo viên, giảng viên hoặc tập thể giáo viên, giảng viên, trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn cho tập thể, cá nhân ở tuyến tỉnh trước khi tham gia đội tuyển dự thi các kỳ thi, cuộc thi thế giới, châu lục, khu vực được tính bằng 25% mức thưởng của tập thể, cá nhân đoạt giải.

9. Việc phân chia tiền thưởng cho từng cá nhân đối với tập thể giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên được thưởng do đơn vị cử tham gia kỳ thi, cuộc thi, liên hoan quyết định căn cứ vào mức độ tham gia đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện.

Điều 4. Nội dung, mức thưởng thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo

1. Đối tượng

a) Học sinh, sinh viên, học viên đang học tập tại các cơ sở giáo dục - đào tạo thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý đoạt giải Đặc biệt; giải Nhất, giải Nhì, giải Ba hoặc giải A, giải B, giải C; hoặc huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng; giải Khuyến khích hoặc giải tương đương trong kỳ thi, cuộc thi gồm: Olympic Quốc gia; thi chọn học sinh giỏi Quốc gia các môn học, thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật và các cuộc thi kỹ năng nghề Quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cuộc thi viết thư Quốc tế UPU do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức;

Học sinh, sinh viên, học viên đang học tập tại các cơ sở giáo dục - đào tạo thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý đoạt giải Đặc biệt; giải Nhất, giải Nhì, giải Ba hoặc giải A, giải B, giải C; hoặc huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng; giải Khuyến khích hoặc giải tương đương trong kỳ thi, cuộc thi Quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cử tham gia, gồm: Thi Olympic Quốc tế các môn học, Olympic Châu Á các môn học; thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật quốc tế; thi kỹ năng nghề thế giới, thi kỹ năng nghề Châu Á, thi kỹ năng nghề Đông Nam Á.

b) Giáo viên, giảng viên tại các cơ sở giáo dục - đào tạo thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý trực tiếp tham gia bồi dưỡng các học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải tại các kỳ thi, cuộc thi Quốc tế, Quốc gia; trực tiếp tham gia bồi dưỡng các học sinh, sinh viên, học viên ở đội tuyển của tỉnh trước khi các học sinh, sinh viên, học viên tham gia đội tuyển Quốc gia để đi thi và đoạt giải tại các kỳ thi, cuộc thi Quốc tế;

c) Giáo viên, giảng viên tại các cơ sở giáo dục - đào tạo thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý đoạt giải Đặc biệt; giải Nhất, giải Nhì, giải Ba hoặc giải A, giải B, giải C; hoặc huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng; giải Khuyến khích hoặc giải tương đương trong các hội thi, hội giảng, cuộc thi Quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

2. Mức thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên, giáo viên, giảng viên đoạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng (gọi chung là cá nhân đoạt giải) được tính theo hệ số như sau:

| Thành tích Quy mô cuộc thi | Giải Nhất (hoặc tương đương) | Giải Nhì (hoặc tương đương) | Giải Ba (hoặc tương đương) |
|---|---|--|---|
| Giải Thế giới | 70 | 50 | 35 |
| Giải Châu lục | 50 | 35 | 20 |
| Giải Khu vực | 30 | 20 | 12 |
| Giải Quốc gia | 16 | 8 | 4 |

3. Đối với các môn thi đồng đội, mức thưởng bằng số lượng cá nhân dự thi nhân với 50% mức thưởng đối với giải tương ứng. Riêng với các môn thi đồng đội có 02 cá nhân dự thi, mức thưởng cho mỗi cá nhân bằng với mức thưởng của cá nhân đoạt giải.

4. Mức thưởng đối với giáo viên, giảng viên tính theo khoản 8 Điều 3 của Quy định này.

Điều 5. Nội dung, mức thưởng thuộc lĩnh vực văn học - nghệ thuật

1. Đối tượng

a) Tác giả, nhóm tác giả thuộc tỉnh Thái Nguyên có tác phẩm văn học - nghệ thuật đoạt giải Đặc biệt; giải Nhất, giải Nhì, giải Ba hoặc giải A, giải B, giải C; hoặc huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng; giải Khuyến khích hoặc giải tương đương tại các kỳ thi, cuộc thi, liên hoan Quốc tế; các kỳ thi, cuộc thi, liên hoan Quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam; các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành

Trung ương là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam tổ chức;

b) Tập thể, cá nhân thuộc tỉnh Thái Nguyên đoạt giải thưởng khi tham gia tại các triển lãm, cuộc thi, liên hoan nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, truyền hình, mỹ thuật, nhiếp ảnh, kiến trúc, tuyên truyền, lý luận phê bình Quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Hội đồng Lý luận phê bình Văn học Nghệ thuật Trung ương tổ chức;

c) Tập thể, cá nhân thuộc tỉnh Thái Nguyên đoạt giải thưởng khi tham gia tại các triển lãm, cuộc thi, liên hoan nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, truyền hình, mỹ thuật, nhiếp ảnh Quốc tế do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam và các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.

2. Mức thưởng đối với cá nhân đoạt giải là tác giả tác phẩm văn học - nghệ thuật; cá nhân đoạt giải nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp được tính theo hệ số như sau:

| Thành tích Quy mô cuộc thi | Giải Nhất (hoặc tương đương) | Giải Nhì (hoặc tương đương) | Giải Ba (hoặc tương đương) |
|---|---|--|---|
| Giải Thế giới | 70 | 50 | 35 |
| Giải Châu lục | 50 | 35 | 20 |
| Giải Khu vực | 30 | 20 | 12 |
| Giải Quốc gia | 8 | 4 | 2 |

3. Đối với nhóm tác giả có tác phẩm văn học - nghệ thuật, tiết mục biểu diễn đoạt giải: Tiết mục song ca (hoặc 02 người) mức thưởng bằng 02 lần; tiết mục đồng ca (hoặc 03 người trở lên) mức thưởng bằng 03 lần; tiết mục hợp xướng hoặc vở diễn (được Hội đồng hoặc Ban Giám khảo xác định) mức thưởng bằng 05 lần; tác phẩm điện ảnh mức thưởng bằng 07 lần mức thưởng quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Mức thưởng đối với tập thể và cá nhân đoạt giải nghệ thuật biểu diễn không chuyên Quốc gia (do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức) bằng 50% mức thưởng quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Đối với kỳ thi, cuộc thi, liên hoan thuộc lĩnh vực văn học - nghệ thuật cho học sinh, sinh viên, học viên do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, mức thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải bằng 50% mức thưởng quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Tập thể, cá nhân đoạt giải tại các kỳ thi, cuộc thi, triển lãm, liên hoan thuộc lĩnh vực văn học - nghệ thuật được tổ chức chính thức theo khu vực trong nước do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam hoặc các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương tổ chức thì được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng đối với giải Quốc gia quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 6. Nội dung, mức thưởng thuộc lĩnh vực thông tin - truyền thông

1. Đối tượng

a) Tập thể, cá nhân thuộc tỉnh Thái Nguyên đoạt giải thưởng khi tham gia Giải thưởng báo chí Quốc gia (báo chí in, báo chí điện tử, phát thanh, truyền hình); các giải do Bộ, ngành Trung ương hoặc cơ quan được Bộ, ngành Trung ương ủy quyền tổ chức định kỳ, thường xuyên, có quy mô Quốc gia: Giải báo chí toàn quốc về xây dựng Đảng (Giải Búa liềm vàng); cuộc thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Giải thưởng sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Giải báo chí toàn quốc về Quốc hội và Hội đồng nhân dân (Giải Diên hồng); Giải báo chí toàn quốc về phòng chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực; Giải thưởng toàn quốc về thông tin đối ngoại; Giải báo chí vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc; Liên hoan Phát thanh toàn quốc; Liên hoan Truyền hình toàn quốc;

b) Tập thể, cá nhân thuộc tỉnh Thái Nguyên đoạt giải thưởng khi tham gia giải báo chí Quốc tế do Bộ, ngành Trung ương hoặc cơ quan được Bộ, ngành Trung ương ủy quyền cử tham gia. Nội dung dự thi phải phù hợp với văn hóa và quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Mức thưởng đối với cá nhân đoạt giải theo hệ số sau:

| Thành tích Quy mô cuộc thi | Giải Nhất (hoặc tương đương) | Giải Nhì (hoặc tương đương) | Giải Ba (hoặc tương đương) |
|---|---|--|---|
| Giải Thế giới | 70 | 50 | 35 |
| Giải Châu lục | 50 | 35 | 20 |
| Giải Khu vực | 30 | 20 | 12 |
| Giải Quốc gia | 8 | 4 | 2 |

3. Mức thưởng đối với tập thể đoạt giải: Bằng 02 lần mức thưởng giải cá nhân tương ứng.

4. Mức thưởng đối với giáo viên, giảng viên trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn tính theo khoản 8 Điều 3 của Quy định này.

Điều 7. Nội dung, mức thưởng thuộc lĩnh vực thể dục - thể thao

1. Nội dung và mức chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia

a) Đối tượng

Vận động viên thuộc tỉnh Thái Nguyên đoạt huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng (hoặc giải Nhất, giải Nhì, giải Ba, giải tương đương), phá kỷ lục tại các giải thể thao cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức hoặc cơ quan được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền tổ chức.

Huấn luyện viên thuộc tỉnh Thái Nguyên trực tiếp đào tạo vận động viên đoạt giải tại các giải thể thao quốc gia.

Học sinh thuộc tỉnh Thái Nguyên đoạt huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng hoặc giải Nhất, giải Nhì, giải Ba, giải tương đương khi tham gia Hội khỏe Phù Đổng hoặc các giải thể thao học sinh toàn quốc do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức;

b) Mức thưởng đối với vận động viên đoạt giải tại các giải thể thao quốc gia được tính theo hệ số như sau:

| TT | Tên giải thể thao | Thành tích | | |
|----|------------------------------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | | Huy chương Vàng | Huy chương Bạc | Huy chương Đồng |
| 1 | Đại hội thể dục thể thao toàn quốc | 16 | 8 | 4 |
| 2 | Giải Quốc gia từng môn | 8 | 4 | 2 |

c) Mức thưởng đối với vận động viên đoạt giải tại các giải thể thao người khuyết tật quốc gia được tính theo hệ số như sau:

| TT | Tên giải thể thao | Thành tích | | |
|----|---|-----------------|----------------|-----------------|
| | | Huy chương Vàng | Huy chương Bạc | Huy chương Đồng |
| 1 | Đại hội thể dục thể thao người khuyết tật toàn quốc | 16 | 8 | 4 |
| 2 | Giải thể thao người khuyết tật Quốc gia (từng môn) | 8 | 4 | 2 |

d) Đối với các môn thể thao thi đấu đồng đội, mức thưởng bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng đối với giải tương ứng. Riêng với các môn thể thao quy định là môn thể thao cá nhân có hình thức thi đấu từ hai người trở lên, mức thưởng cho mỗi vận động viên bằng với mức thưởng cho vận động viên tham gia hình thức thi đấu đơn;

đ) Đối với các môn, nội dung thi đấu có thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 7 của Quy định này;

e) Vận động viên phá kỷ lục

Vận động viên đoạt Huy chương và phá kỷ lục so với thành tích cao nhất trong lịch sử cuộc thi, ngoài mức thưởng đoạt huy chương được thưởng thêm bằng 30% mức thưởng tương ứng của vận động viên đoạt huy chương Vàng.

Vận động viên phá kỷ lục so với thành tích cao nhất trong lịch sử cuộc thi nhưng không được tặng Huy chương thì được thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng của vận động viên đoạt huy chương Vàng;

g) Mức thưởng đối với huấn luyện viên tính theo khoản 8 Điều 3 của Quy định này;

h) Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng Quốc gia mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng của giải Quốc gia từng môn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 của Quy định này;

i) Vận động viên lập thành tích tại giải thi đấu trẻ, giải cúp, giải câu lạc bộ Quốc gia có phân theo lứa tuổi được thưởng theo mức sau:

i1) Giải thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 7 của Quy định này;

i2) Giải thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi mức thưởng bằng 35% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 7 của Quy định này;

i3) Giải thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 7 của Quy định này;

i4) Giải thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 7 của Quy định này.

2. Mức thưởng cho học sinh đoạt giải khi tham gia Hội khỏe Phù Đổng hoặc các giải thể thao học sinh toàn quốc do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức bằng 60% mức thưởng tương ứng của giải Quốc gia từng môn tại điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 7 của Quy định này.

3. Mức thưởng đối với thành tích toàn đoàn (Nhất toàn đoàn, Nhì toàn đoàn, Ba toàn đoàn): Được tính bằng mức thưởng tương ứng của thành tích huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng của giải Quốc gia từng môn quy định tại điểm b, khoản 1; giải thể thao người khuyết tật Quốc gia (từng môn) quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 của Quy định này.

4. Mức thưởng riêng cho môn Bóng đá được tính theo hệ số như sau (áp dụng cho tập thể đội bóng):

| TT | Tên giải thể thao | Thành tích | | |
|----|----------------------------------|---------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|
| | | Huy chương Vàng (vô địch) | Huy chương Bạc (hoặc tương đương) | Huy chương Đồng (hoặc tương đương) |
| 1 | Giải vô địch Quốc gia (V.League) | 300 | 250 | 200 |
| 2 | Giải Cúp Quốc gia | 250 | 200 | 150 |
| 3 | Giải hạng Nhất Quốc gia | 200 | 150 | 100 |
| 4 | Giải hạng Nhì Quốc gia | 150 | 100 | 80 |
| 5 | Giải hạng Ba Quốc gia | 100 | 80 | 60 |
| 6 | Giải trẻ Quốc gia | 80 | 60 | 40 |

5. Mức thưởng đối với vận động viên tại các giải thể thao, Đại hội thể dục thể thao tổ chức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được tính theo hệ số như sau:

a) Đối với các giải thể thao, Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh

| TT | Nội dung/giải | Nhất (Vàng) | Nhì (Bạc) | Ba (Đồng) | Giải khuyến khích | Giải phong cách | Giải vận động viên xuất sắc | |
|----|---|---|-----------|-----------|-------------------|-----------------|-----------------------------|------|
| 1 | Cá nhân | 0,75 | 0,6 | 0,45 | 0,3 | | | |
| 2 | Giải đôi | 0,9 | 0,75 | 0,6 | | | | |
| 3 | Giải đồng đội | 1 | 0,8 | 0,6 | | | | |
| 4 | Giải các môn thể thao tập thể | Mức thưởng chung bằng số vận động viên theo quy định của Điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng cá nhân tương ứng | | | | | 0,75 | 0,75 |
| 5 | Giải toàn đoàn đối với Đại hội thể dục thể thao | 4 | 3 | 2 | | | | |
| 6 | Giải toàn đoàn đối với các giải thể thao riêng lẻ | 2 | 1,5 | 1 | | | | |

b) Giải thể thao, Đại hội thể dục thể thao cấp xã: Mức thưởng không vượt quá 80% so với mức thưởng tương ứng của giải cấp tỉnh. Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức chi tiền thưởng phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương;

c) Giải thể thao của các cơ quan, đơn vị: Mức thưởng không vượt quá 80% so với mức thưởng tương ứng của giải cấp tỉnh. Thủ trưởng cơ quan quyết định mức chi tiền thưởng phù hợp với khả năng cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan, đơn vị hằng năm.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước cấp cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện việc chi thưởng theo phân cấp ngân sách hiện hành./.